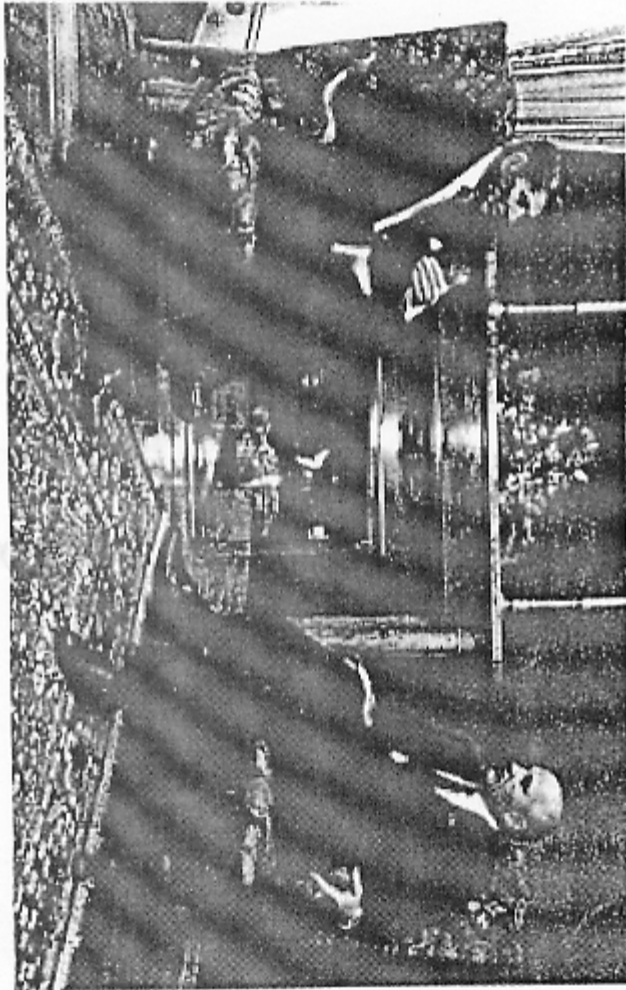


PHẦN II

THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ MỚI CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC CỤC



TT Hoa Kỳ R. Reagan và Tổng Bí thư đảng CS Liên Xô Gorbachev trong Hội nghị thượng đỉnh SALT II ở Vladimir Vodstok, biểu tượng chấm dứt chiến tranh lạnh, đi vào chiến lược quốc tế mới.

CHƯƠNG I

THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ CŨ CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC CỤC LÀ GÌ?

Nói một cách tổng quát, với những phát minh khoa học kỹ thuật khởi đi từ thế kỷ 16, đã đưa đến cuộc cách mạng công nghiệp vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Do biết vận dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào các lãnh vực phục vụ đời sống con người, nên cuộc cách mạng này đã biến đổi mạnh mẽ bộ mặt thế giới, đã đưa loài người từ một nền văn minh nông nghiệp bước vào một nền văn minh công nghiệp. Thế nhưng, cũng chính cuộc cách mạng công nghiệp này đã thúc đẩy chủ nghĩa tư bản hình thành trong lòng chế độ phong kiến phát triển mạnh, đưa đến việc các nước đế quốc tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược các nước nghèo, phục vụ cho nền công nghiệp phát triển và làm giàu cho giai cấp tư bản chính quốc.

Thực vậy, trong các thế kỷ 16, 17 và 18, nhờ những phát minh khoa học kỹ thuật lần lượt ra đời và từng bước hoàn chỉnh, đã có tác động mạnh mẽ trên lãnh

vực công nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung. Trong các công trường thủ công, các công cụ lao động đã được chuyên môn hoá ngày một cao. Sức nước được sử dụng rộng rãi như một nguồn năng lượng phục vụ sản xuất và do đó mầm mống kỹ thuật cơ khí bắt đầu hình thành.

Vào thế kỷ 17, đã xuất hiện nhiều thành tựu kỹ thuật có ý nghĩa lớn, như sử dụng chất nổ trong khai khoáng, sử dụng cơ chế đòn bẩy, máy bơm nước, máy thông gió và xây dựng nhiều lò luyện kim lớn. . . Đến hậu bán thế kỷ 17 tại nước Anh là thời kỳ quan hệ sản xuất phong kiến đã được thay thế bởi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các công trường thủ công dưới chế độ phong kiến trong thời kỳ này đã trở thành hình thức sản xuất chủ đạo. Nhưng nhìn chung, nền kỹ thuật vẫn chưa có gì thay đổi, mặc dầu đã có sự phân công mới về lực lượng lao động và công cụ lao động. Phải đợi đến thập niên ba mươi của thế kỷ 18, với sự xuất hiện của máy kéo sợi, máy dệt ở Anh, cuộc cách mạng kỹ thuật mới thực sự hình thành. Cuộc cách mạng kỹ thuật này đã hình thành trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản, dẫn đến cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất. Kết thúc là cuộc đại cách mạng kỹ nghệ vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Là một cuộc đại cách mạng, vì đây là cuộc cách mạng về sản xuất lớn nhất kể từ khi xuất hiện loài người cho đến lúc đó. Một cuộc cách mạng đã đánh dấu sự toàn thắng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, sau khi thiết lập được cơ sở vật chất, kỹ thuật mới, với hệ thống máy móc là căn bản của nền kỹ nghệ cơ khí đã được sử dụng rộng rãi trong sản xuất và phục vụ đời sống con người.

Trong các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến vào thời kỳ này, các nhà tư bản đã lợi dụng triết để các phát minh khoa học, kỹ thuật đưa vào lãnh vực sản xuất để nâng cao năng suất. Vì lợi nhuận, các nhà tư bản đã không ngần ngại bóc lột công nhân trong các công xưởng, nhà máy, hàm mò với chế độ ngày làm việc nhiều giờ, đồng lương chét đói, làm việc trong điều kiện lao động tồi tệ, thiếu an toàn. Chính sự bóc lột tàn tệ này đã là tiền đề cho Karl Marx viết nên tác phẩm *Tư Bản Luận* (Capitalism) và cùng với F. Engels hình thành triết thuyết cộng sản như một phản ứng tất nhiên về mặt tư tưởng trước một hiện tượng bất công xã hội (vào khoảng giữa thế kỷ 19). Triết thuyết này đã có ảnh hưởng đầu tiên trong giới thợ thuyền Pháp, đưa đến các cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, cướp chính quyền, làm chủ nhà máy, thành lập Công Xã Paris (vào những năm cuối thế kỷ 19). Nhưng phong trào này đã không tồn tại quá một tuần, và đã bị dẹp tan. Chủ nghĩa tư bản tiếp tục phát triển mạnh mẽ không những ở Pháp mà còn ở nhiều nước châu Âu khác. Tại các nước công nghiệp, do yêu cầu phát triển sản xuất, mức sử dụng thép tăng lên rất nhanh. Thép trở thành một nhân tố quyết định của nền kỹ nghệ. Nguồn nguyên liệu để làm ra sắt thép trong nước ngày một cạn dần. Nhu cầu tìm kiếm thị trường khai thác nguyên liệu và tiêu thụ hàng hoá đã thúc đẩy một số các nước tư bản phương Tây tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược các nước nghèo. Đến đây thì chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc.

Sau khi xâm chiếm một số nước nghèo, các đế quốc thường thiết lập guồng máy cai trị thuộc địa để khai thác triệt để tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, lợi nhuận

kinh tế làm giàu cho chính quốc. Trên mọi lãnh vực, người chính quốc trực tiếp nắm quyền, cai trị trực tiếp, chỉ sử dụng dân bản xứ như công cụ thừa hành. Trường hợp cá biệt có những người bản xứ được cất nhắc nắm các chức vụ chỉ huy hành chánh, quân sự, dù ở cấp độ nào đều tùy thuộc vào sự đánh giá của quan thầy về mức độ của lòng trung thành với mẫu quốc. Đặc biệt về mặt quân sự, đế quốc thường tổ chức một đội quân viễn chinh, người chính quốc làm lực lượng nòng cốt bảo vệ chế độ thuộc địa, bên cạnh là các đơn vị quân đánh thuê người bản xứ hay tuyển mộ từ các thuộc địa khác. Đây là công cụ chủ yếu của chế độ thực dân để trấn áp các cuộc nổi dậy của người dân thuộc địa. Với guồng máy hành chánh, quân sự ấy, các đế quốc thực hiện đường lối cai trị trực tiếp, chính sách bóc lột trực tiếp rất trắng trợn về kinh tế, phủ nhận quyền độc lập về chánh trị của các dân tộc và theo đuổi các chủ trương vô nhân đạo về mặt xã hội. Với những đặc trưng vừa nêu, sau này người ta gọi đó là hình thái của chủ nghĩa thực dân cũ để phân biệt với chế độ thực dân mới hình thành sau thế chiến thứ hai.

Thật vậy, chủ nghĩa thực dân mới đã hình thành trên sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ vì tính lỗi thời của nó. Sau nhiều thập niên khai thác các nước nghèo thuộc địa, các đế quốc thực dân đã gặp sức kháng cự và đấu tranh bền bỉ của các dân tộc bị trị. Tương quan lực lượng giữa đế quốc thực dân và các nước bị trị ngày càng bất lợi cho các đế quốc. Mâu thuẫn giữa các đế quốc ngày một gia tăng gay gắt. Cuộc thế chiến thứ nhất đã nổ ra (1914-1918) như hậu quả tất nhiên của sự cạnh tranh giữa các đế quốc và cũng để giải quyết các mâu thuẫn nhằm phân chia lại thị trường thế giới.

Sau cuộc chiến này, chủ nghĩa thực dân cũ đi vào thời kỳ cực thịnh. Nhưng cũng trong thời kỳ cực thịnh đã có mầm mống của chủ nghĩa thực dân mới. Mầm mống ấy bắt nguồn từ năm 1917, nghĩa là một năm trước khi thế chiến một kết thúc. V. Lenine và nhóm Bolsheviks (tiền thân của đảng công sản Liên Xô) đã làm cuộc Cách mạng Tháng Mười lật đổ chế độ Nga hoàng, thiết lập nhà nước Liên bang Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Xô viết trên nền tảng triết học Marx. Chủ nghĩa cộng sản lần đầu tiên đã được vận dụng vào nước Nga. Vào lúc này nước Nga Sa hoàng đã là một nước tư bản bước đầu phát triển và là một nước đế quốc. Chính trên cơ sở ấy, cộng sản Liên Xô có điều kiện phát triển và củng cố được vị trí của một đế quốc. Thừa hưởng được các thuộc địa của đế quốc Nga hoàng, đế quốc đỏ Liên Xô dù có nỗ lực cách mấy cũng chỉ sát nhập thêm được một số nước vùng Baltic như Estonia (1934) và Lithuania (1940). Bởi vì vào thời điểm này, hầu hết các nước nghèo béo bở đã nằm trong tay các đế quốc như Anh, Pháp, Đức. . . chia nhau xâm chiếm cả rồi. Trong điều kiện này đế quốc Liên Xô đã nghĩ đến một phương cách mới để tìm kiếm thuộc địa. Đó là phương cách khai thác triệt để tính mê hoặc của chủ nghĩa cộng sản. Trước khi chết, Lenine đã có những bài viết khơi mào lên án chế độ thực dân, ủng hộ quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc thuộc địa. Một tác phẩm có tính kinh điển nổi tiếng của Lenine nhan đề “Luận Cương Chánh Trị Tháng Tư” đã phân tích mối quan hệ giữa các đế quốc tư bản thực dân với các nước bị trị, lên án sự bóc lột tàn tệ của chế độ thực dân, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc. Các luận điểm của Lenine đều muốn chứng minh rằng Liên Xô chế độ xã

Sau cuộc chiến này, chủ nghĩa thực dân cũ đi vào thời kỳ cực thịnh. Nhưng cũng trong thời kỳ cực thịnh đã có mầm mống của chủ nghĩa thực dân mới. Mầm mống ấy bắt nguồn từ năm 1917, nghĩa là một năm trước khi thế chiến một kết thúc. V. Lenine và nhóm Bolsheviks (tiền thân của đảng công sản Liên Xô) đã làm cuộc Cách mạng Tháng Mười lật đổ chế độ Nga hoàng, thiết lập nhà nước Liên bang Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Xô viết trên nền tảng triết học Marx. Chủ nghĩa cộng sản lần đầu tiên đã được vận dụng vào nước Nga. Vào lúc này nước Nga Sa hoàng đã là một nước tư bản bước đầu phát triển và là một nước đế quốc. Chính trên cơ sở ấy, cộng sản Liên Xô có điều kiện phát triển và củng cố được vị trí của một đế quốc. Thừa hưởng được các thuộc địa của đế quốc Nga hoàng, đế quốc đỏ Liên Xô dù có nỗ lực cách mấy cũng chỉ sát nhập thêm được một số nước vùng Baltic như Estonia (1934) và Lithuania (1940). Bởi vì vào thời điểm này, hầu hết các nước nghèo béo bở đã nằm trong tay các đế quốc như Anh, Pháp, Đức. . . chia nhau xâm chiếm cả rồi. Trong điều kiện này đế quốc Liên Xô đã nghĩ đến một phương cách mới để tìm kiếm thuộc địa. Đó là phương cách khai thác triệt để tính mê hoặc của chủ nghĩa cộng sản. Trước khi chết, Lenine đã có những bài viết khơi mào lên án chế độ thực dân, ủng hộ quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc thuộc địa. Một tác phẩm có tính kinh điển nổi tiếng của Lenine nhan đề “Luận Cương Chánh Trị Tháng Tư” đã phân tích mối quan hệ giữa các đế quốc tư bản thực dân với các nước bị trị, lên án sự bóc lột tàn tệ của chế độ thực dân, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc. Các luận điểm của Lenine đều muốn chứng minh rằng Liên Xô chế độ xã

hội chủ nghĩa khác chế độ Nga hoàng, không phải là một đế quốc. Và do đó, Liên Xô sẽ đứng về phía các dân tộc bị trị và sẵn sàng giúp họ không những giải phóng dân tộc thoát ách thực dân mà còn giúp giải phóng giai cấp, xây dựng một xã hội không người bóc lột người trong lòng mỗi nước. Hiệu quả trông thấy của lời mời chào mới này là có nhiều nhà ái quốc nơi các thuộc địa đã bị mê hoặc tìm đến Moscow để được giáo dục, rèn luyện trở thành môn đồ trung thành của chủ thuyết Mác-Lênin. Chính những người này, sau khi được huấn luyện đào tạo ở thành địa Moscow sẽ trở thành hạt nhân xây dựng đảng cộng sản, công cụ bành trướng của đế quốc Liên Xô đến các nước nghèo. Trong số những hạt nhân này điển hình và xuất sắc nhất là ông Hồ Chí Minh của Việt Nam nghèo đói lệ thuộc. Theo lịch sử Cộng Đảng Việt Nam thì sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, ông Hồ đã gặp được chủ nghĩa Mác-Lênin. Sau khi đọc được tác phẩm nổi tiếng của Lênine (1), ông Hồ đã vui mừng đến phát khóc và hét to lên một mình trong phòng riêng ở Paris: “*Đây rồi... muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản!*” (2). Hồ Chí Minh đã gia nhập đảng cộng sản Pháp, được học tập nhiều năm ở Liên Xô, về nước lập đảng cộng sản Việt Nam (1930) và bắt đầu hoạt động chống thực dân Pháp bên cạnh các lực lượng kháng chiến khác. Sau này ông Hồ và đảng cộng sản do ông thành lập đã là công cụ đặc lực thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc đỏ Liên Xô tại Việt Nam.

Như vậy là từ lâu Liên Xô đã nuôi ý đồ tạo dựng một đế quốc kiểu mới nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới trước Mỹ và khác kiểu mới của Mỹ sau này.

bởi vì Liên Xô đã có sự chuẩn bị ngay từ trong trứng nước các công cụ nắm chánh quyền tại các nước thuộc địa một khi thoát ách thực dân cũ. Vì có sự chuẩn bị như thế nên hầu hết các cuộc kháng chiến ở các thuộc địa thường bị các đảng cộng sản khuynh loát đóng vai chủ đạo, cướp thời cơ giành chánh quyền. Điển hình tại châu Âu, trong chiến tranh Liên Xô đã nuôi dưỡng hỗ trợ các đảng cộng sản. Thế chiến hai chấm dứt thì Hồng quân Liên Xô đi đến đâu chánh quyền cộng sản dựng lên đến đó, hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Tại châu Á thì có điển hình là công cụ cộng sản Việt Nam đã chớp thời cơ giành chánh quyền từ tay phát-xít Nhật, thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà với một chánh phủ liên hiệp Quốc-Cộng mà cộng sản nắm thế chủ động hoàn toàn (2-9-1945).

Chính vì có chuẩn bị, có sách lược như thế nên sau thế chiến hai, Liên Xô đã nhanh chóng tách khỏi khối đồng minh, cùng có được vị trí bá chủ hệ thống thuộc địa kiểu mới: Phe Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCHN). Thế giới lưỡng cực hình thành với hai cực cường Mỹ-Nga đứng đầu hai khối tư bản và cộng sản.

Nếu Liên Xô đã chuẩn bị thực hiện chế độ thực dân mới của mình thì Hoa Kỳ có vẻ bị động hơn. Đứng trước thế chủ động tiến công lấn chiếm thuộc địa của đế quốc Liên Xô, các đế quốc tư bản đang nắm giữ các thuộc địa đã phản công yếu ớt. Một mặt họ dùng hệ tư tưởng dân chủ phương Tây như vũ khí lý luận đương đầu với hệ tư tưởng cộng sản. Mặt khác, họ nói lòng chính sách cai trị thuộc địa, cho dân bản xứ một số quyền và lợi ích nhất định về chánh trị kinh tế xã hội.

Tuyên truyền giải thích chế độ thuộc địa như là một sự khai phóng đem ánh sáng văn minh và trào lưu dân chủ đến cho các dân tộc bị trị. Thế nhưng mọi nỗ lực của các cựu đế quốc nhằm duy trì chế độ thực dân cũ đã tỏ ra vô hiệu trước xu thế thời đại không thể đảo ngược. Đã đến lúc chủ nghĩa thực dân cũ phải đi vào thời kỳ cáo chung, nhường lại thuộc địa cho các tân đế quốc khai thác bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới thích dụng hơn. Nước Mỹ, một cường quốc tư bản trong quá khứ chưa có thuộc địa, lại đã từng là thuộc địa của đế quốc Anh, hiển nhiên là có đủ tư thế tiếp quản các thuộc địa mới thoát ách thực dân cũ và phát cao ngọn cờ “Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền” để ngăn chặn sự bành trướng của đế quốc Liên Xô.

Thế là từ đây, một cuộc cạnh tranh ráo riết giữa hai tân đế quốc để giành giật các nước nghèo yếu đi vào quỹ đạo của mình với hai lối mời chào khác nhau. Một bên thì giương cao ngọn cờ “Cách mạng vô sản” để xây dựng một xã hội không người bóc lột người. Ứng hộ “phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức” để giành giật các nước nghèo. Bên kia thì phát cao ngọn cờ “tự do, dân chủ, nhân quyền và quyền dân tộc tự quyết” để làm công việc bảo vệ “Thế giới Tự do”. Bằng hai lối mời chào trên, cả hai cực cường Mỹ-Nga đều như có cho các dân tộc nhược tiểu nên hiểu rằng, thời kỳ chủ nghĩa thực dân đã vĩnh viễn qua rồi, nay là thời kỳ độc lập tự chủ cho các dân tộc. Nhưng với điều kiện phải ở trong thế giới của họ mới có tất cả những cái đó! Hai phe tố cáo lẫn nhau là thực dân đế quốc kiểu mới. Nói gì thì nói, nhân dân các nước nghèo đều hoài nghi về lòng tốt của cả hai phía, do họ đã chứng kiến thực tế phũ phàng và có khi đã là nạn nhân của tình

“đồng chí” cũng như tình “đồng minh”. Họ đành phải kết luận rằng cả hai anh nhà giàu đều có chung một bản chất, đó là bản chất thực dân, có khác chăng là cách mời chào. Biết vậy, nhưng các dân tộc nghèo yếu vừa thoát ách thực dân cũ, vẫn phải rơi vào gọng kềm của chủ nghĩa thực dân mới. Bởi giai cấp lãnh đạo đất nước, họ đã vô tình hay cố ý trở thành những công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới cho cả hai phe: tư bản và cộng sản!

Đến đây ta đã có đủ dữ kiện để giải đáp vấn đề: thế chiến lược quốc tế cũ của các cường quốc cực là gì?

Tựu chung có thể giải đáp rằng sau thế chiến hai, chế độ thực dân cũ bước vào thời kỳ cáo chung, chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu hình thành, với hai trung tâm quyền lực thế giới đứng đầu là hai cường quốc Mỹ-Nga. Trong hình thái của một thế giới lưỡng cực, Mỹ lãnh đạo khối tư bản, Nga leo lái khối cộng sản, cạnh tranh nhau mở rộng thuộc địa kiểu mới nơi các nước nghèo. Các nước nghèo như vậy, vừa là đối tượng chinh phục, vừa là công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới trong khung cảnh một chiến lược quốc tế mới: chiến tranh ý thức hệ cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Để thấy rõ nội dung chiến lược quốc tế này cần nhận định trên hai mối quan hệ sau đây:

Một là tương quan giữa các cường quốc trong một khối và giữa hai khối với nhau. Nội bộ mỗi khối đều có nỗ lực củng cố quyền bá chủ của cực cường, liên kết trợ giúp các thành viên phục hồi và phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh quân sự để phô trương sức mạnh đương đầu và gián chi lẫn nhau. Giữa hai khối trong thế đối đầu thường tránh đụng độ trực tiếp mà chỉ đối đầu trong tình trạng một cuộc chiến tranh lạnh. Giữa

hai khối tựa hồ như có một phân chia: cộng sản ở thế tiến công, tư bản ở thế thủ cố gắng ngăn chặn đẩy lùi đối phương để giành lại những gì đã mất, bảo vệ những gì còn lại. Trong tình trạng chiến tranh lạnh, hai phe tiến hành các hoạt động tuyên truyền chống phá lẫn nhau, chạy đua vũ trang, thành lập các khối liên minh chính trị, kinh tế, quân sự giữa các thành viên. Điển hình có thể kể Hội Đồng Châu Âu (1948), Khối Thị Trường Chung Châu Âu (EEC 1957), Liên Minh Phòng Thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO) của phe tư bản. Và phe xã hội chủ nghĩa có thể kể Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế (SEV), khối quân sự WARSAW... Tất cả nhằm tăng cường sức mạnh cho toàn khối và thịnh vượng chung; sức mạnh để đe dọa lẫn nhau và trấn áp các nước nghèo; thịnh vượng chung để cùng an hưởng hạnh phúc, để chứng tỏ tính ưu việt của chủ nghĩa mình, làm chiêu bài mời chào lôi kéo các nước nghèo đi vào quỹ đạo.

Hai là trong tương quan với các nước nghèo, cả hai khối đều coi các nước nghèo như đối tượng khai thác, làm bàn đạp để phát triển và là công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Do đó để đạt các mục tiêu chiến lược, các đế quốc thường đem bất ổn, nội loạn và chiến tranh đến các nước nghèo, thông qua đó, khai thác các lợi ích chính trị, kinh tế, quân sự và các lợi nhuận khác; khai thác trong mối quan hệ song phương như Liên Xô giúp Việt Nam (Sô-Việt), Trung Quốc chi viện cho Việt Nam (Việt-Trung), hay Mỹ quốc viện trợ cho Việt Nam (Mỹ-Việt). . . Tất cả khai thác các thuộc địa thông qua một chính quyền người bản xứ trong khung cảnh một chế độ độc lập theo công pháp quốc tế, nhưng lệ thuộc hoàn toàn về mặt thực tế. Theo đó các đế quốc

sử dụng các chính quyền công cụ thực hiện đường lối chính sách cai trị gián tiếp của họ. Bên cạnh chính quyền công cụ này là một giàn cố vấn hay chuyên gia được cài từ đầu đến chân trong các cấp, các ngành quan yếu chính trị, kinh tế, quân sự và cả văn hoá xã hội nữa. Chính giàn nhân sự chính quốc này sẽ trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và kiểm soát, đánh giá hiệu quả của đường lối chính sách được thực hiện nơi các nước nghèo. Ngay cả việc sắp xếp nhân sự lãnh đạo cấp cao chính quyền của các quốc gia này thường cũng phải được chuẩn phê trước của chính quốc dưới nhiều hình thức tế nhị hay sỗ sàng. Mỗi khối có cách đặt để người nắm quyền riêng. Chẳng hạn phe XHCN, bằng hệ tư tưởng Marx-Lenine với một đảng cộng sản bản xứ mà nhân sự được đào tạo kỹ càng ở Moscow về thay nhau nắm quyền theo một trật tự truyền thống có tính “Đảng truyền” (Phong kiến kiểu mới). Trong khi phe tư bản chủ nghĩa thường sử dụng viện trợ và mạng lưới tình báo như CIA để khuynh đảo các “đồng minh” bé nhỏ của mình. Khác với Moscow, Washington không đặt nặng vấn đề chỉ sử dụng những người do mình đào tạo mà có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Vấn đề quan trọng với Mỹ là bất cứ nhân sự nào có khả năng thực hiện trung thành và có hiệu quả đường lối chính sách của họ: Mỹ cần một thứ cai thầu thông minh, lanh lợi hơn là một lãnh đạo có đầu óc sáng tạo, độc lập. Điều này phù hợp với óc thực dụng của người Mỹ và cách sử dụng người của các nhà tư bản. Dầu sao cả hai đế quốc đều có một cách xử sự giống nhau trong trường hợp chính quyền nào có dấu hiệu muốn thoát ra khỏi quỹ đạo của mình hay không thực hiện được nhiệm vụ theo đúng chiều hướng, lập tức sẽ bị thanh trừng (kiểu CS),

hay đảo chánh, cúp viện trợ làm áp lực (kiểu TB). Mạnh bạo hơn, các đế quốc có thể phải sử dụng bạo lực quân sự trực tiếp can thiệp khi cần, tí như Liên Xô đưa quân vào Ba Lan (1956), Tiệp Khắc (1968). Tương tự, Mỹ đã lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm ở Việt Nam (1963) và sau đó đưa quân can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Việt Nam (1964). Chính những hành động can thiệp trực tiếp này, nhiều người cho rằng cả Nga lẫn Mỹ đều theo đuổi chủ nghĩa thực dân nửa cũ nửa mới, chứ chưa hẳn là chủ nghĩa thực dân mới hoàn toàn.

Trong cuộc chiến tranh nóng có tính cục bộ ở Việt Nam, hành động nóng vội của Mỹ đưa quân tham chiến đã làm mất chánh nghĩa của chế độ công cụ của mình ở miền Nam Việt Nam, chánh nghĩa độc lập dân tộc, tự do dân chủ. Bởi vậy chế độ công cụ Nga Tàu ở miền Bắc có trong tay ngọn cờ “Chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam giành độc lập dân tộc”. Nếu không có ý đồ chiến lược thì hành động này rõ ràng là Mỹ đã thua xa tài thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc đỏ Liên Xô. Vì ai cũng biết, chiến tranh Việt Nam là một thể nghiệm cao nhất tính chất và mục tiêu của chiến lược quốc tế cũ, cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra dưới hai dạng chiến tranh lạnh toàn diện và chiến tranh nóng cục bộ, mà Việt Nam là một điểm nóng. Đến nay, Việt Nam cũng đã và đang là một thể nghiệm trong giai đoạn thế giới chuyển mình đi vào thể chiến lược mới trong thân phận của một nước nghèo lệ thuộc.

Tuy nhiên, công bình mà nói, nếu trong chiến tranh Việt Nam, “đế quốc đỏ Liên Xô” tỏ ra khôn ngoan hơn

“đế quốc Mỹ”, thì trong cuộc chiến Afghanistan trước ngày tàn của đế quốc Liên Xô, họ đã kéo quân trực tiếp tham chiến còn mạnh bạo sỗ sàng hơn nhiều. Thành ra, bèn tám lạng, bèn nửa cân, chẳng biết ai đại, ai khôn hơn ai trong việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của mình trong quá khứ.



Cựu Tổng thống George Bush thăm viếng Bắc Kinh gặp Thủ tướng Trung Cộng Lý Bằng (1993).



TT. George W. Bush & Phu Nhân Laura cùng đoàn tùy tùng trên Vạn Lý Trường Thành (Friday, Feb. 22, 2002 in Badaling, China), nơi mà cách đó 30 năm TT.Nixon đã có mặt, khởi sự một chiến lược quốc tế mới .